

Bản án số: 30 /2021/HSST
Ngày 28 /4/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.

Ông Đặng Thế Quế

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bình – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/TLST – HS ngày 29 tháng 3 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37 /2021/QĐST–HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn A**, tên gọi khác: Không

Sinh năm 2000 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm M, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn S và bà Vi Thị S; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án, bản án số 01/HSST ngày 16/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp xử phạt Vi Văn A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An từ ngày 03/02/2021 đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn A: Ông Nguyễn Thái Q – Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số H – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An.

(Có mặt).

- **Bị hại:** Anh Lương Bún M, sinh 1997.

Nơi cư trú: Xóm M, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Mạc Văn T, sinh 1994.

Nơi cư trú: Xóm H, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt).

Người làm chứng: 1. Vi Văn T, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt).

2. Anh Vi Văn T, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 16/01/2021, tại nhà của Vi Văn T, ở bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Vi Văn A đã trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng, số Imei 1: 855613050648998 của anh Lương Bún M đưa đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 03/02/2021 Vi Văn A đến cơ quan Công an huyện Quỳnh Hợp đầu thú.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 01/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Hợp kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng, số Imei 1: 855613050648998, trong máy không lắp sim, máy đã qua sử dụng trị giá 3.490.000 đồng.

Bản cáo trạng số 26/VKS – HS ngày 25/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo Vi Văn A về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn A đã khai: Khoảng 08 giờ ngày 16/01/2021, Vi Văn A theo anh Lương Bún M đi mua điện thoại di động của anh Lê Mạnh H, sinh năm 1984, trú tại xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Tại đây, Lương Bún M mua của anh H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng, một thẻ sim và một thẻ cào điện thoại mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) với tổng số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó Lương Bún M và Vi Văn A đến nhà Vi Văn T ở bản C, xã C, huyện Q ăn cơm. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày khi Lương Bún M, Vi Văn T, và Vi Văn A ngồi ăn cơm trên chiếc chiếu tại nhà anh T thì Vi Văn A nghỉ trước đến ngồi ở tấm phản gỗ phía sau lưng anh M. Lợi dụng lúc anh M đang ăn uống và để điện thoại mới mua bên cạnh người nên Vi Văn A đã lấy trộm chiếc điện thoại đó bỏ vào túi quần. Vi Văn A đi bộ đến ngã ba bản C, xã C, huyện Q thì gặp anh Vi Văn T ở bản C và nhờ T chở ra quán mua bán sữa chữa điện thoại của anh Mạc Văn T bán với giá 1.800.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo Vi Văn A nhất trí với truy tố của VKSND huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung cáo

trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn A từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 01/HSST ngày 16/01/2020 của TAND huyện Quỳnh Hợp. Buộc bị cáo Vi Văn A chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 19 (mười chín) tháng đến 21 (hai mươi một) tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Lương Bún M đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng và không có yêu cầu gì nên đề nghị miễn xét. Mạc Văn Tt yêu cầu Vi Văn Anh bồi thường số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn A từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 01/HSST ngày 16/01/2020 của TAND huyện Quỳnh Hợp. Buộc bị cáo Vi Văn A chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (mười sáu) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Bị cáo Vi Văn A nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai trái mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Vi Văn A thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận của bị cáo Vi Văn A tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên có đủ căn cứ xác định: Vi Văn A đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện trộm cắp tài sản có giá là 3.490.000 đồng. Do đó, các hành vi trên của Vi Văn A đã cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật

hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo Vi Văn A là rất nguy hiểm, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại. Vụ án xảy ra gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần lên cho bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Đặc biệt bị cáo Vi Văn A là người có nhân thân xấu, đang chấp hành án lại tiếp tục phạm tội nên khi lượng hình cần áp dụng tình tiết tăng nặng là " tái phạm" nên phải xét xử bị cáo mức án nghiêm. Có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt vì: bị cáo khai báo thành khẩn; đầu thú. Cần áp dụng tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vi Văn A.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo đang bị tạm giam, trước khi phạm tội bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lương Bún M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

Đối với anh Mạc Văn T khi mua máy điện thoại không biết là tài sản do Vi Văn A trộm cắp mà có, nay máy điện thoại đã bị thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu. Anh Mạc Văn T yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền mua máy điện thoại nên cần chấp nhận buộc Vi Văn A hoàn trả cho anh Mạc Văn Tuất số tiền 1.800.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo Vi Văn A chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vi Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn A **11(mười một)** tháng tù;

Tổng hợp với hình phạt **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 01/HSST ngày 16/01/2020 của TAND huyện Quỳnh Hợp. Buộc bị cáo Vi Văn A chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **01 (một)**

năm **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 03/02/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 127, 131, 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vi Văn A hoàn trả cho anh Mạc Văn T số tiền 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TT hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Vi Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng; án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng;.

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt bị hại và người làm chứng. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/04/2021. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An,
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An,
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp,
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp,
- TH A DS huyện Quỳnh hợp,
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- lưu

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Quán Vi Tuấn

